

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày: 28/6/2022
“V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương
2. Bà Lê Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh D tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh D xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 284/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐHPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 145 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 449 đường P, tổ 70, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh B; tạm trú: 1/3 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1957; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1964; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- + Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1967; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1971; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1974; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1976; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1978; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1981; trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Ông Đỗ Minh H, sinh năm 1962; địa chỉ: 52/5 khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1957; trú tại: 17 khu phố Thạnh Quý, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1979; trú tại: 92B, khu phố Thạnh Quý, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1981; trú tại: 17 khu phố Thạnh Quý, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị Phúc C, sinh năm 1983; trú tại: 132/7D chung cư 132 Ông Tích Khiêm, phường 5, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1985; trú tại: 17 khu phố Thạnh Quý, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà C là người quản lý sử dụng thửa đất 1769, tờ bản đồ số 5 (B2) tọa lạc tại khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D. Nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Văn Mười hay còn gọi là ông Nguyễn Quốc Mười (chết năm 1955) để lại cha mẹ bà C là Nguyễn Văn Rễ (đã chết năm 1991) và bà Lê Thị Ba (đã chết năm 2019). Ông Nguyễn Văn Mười là ông ngoại của ông Rễ, bà Ba. Trước đây ông Rễ và bà Ba canh tác diện tích 5400m² bao gồm đất nhà và vườn cây ăn trái, và có đăng ký ruộng đất theo chỉ thị 299. Nguyên diện tích đất của bà C đều do ông Nguyễn Văn Mười cho để sử dụng. Năm 2004

toàn bộ diện tích đất 5400m² của cha mẹ bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dạng đại trà. Từ năm 2004 bà Ba tiến hành tách thửa đất cho các con trong đó có cho bà C được quyền sử dụng thửa đất 1769, tờ bản đồ số 5 (B2) tọa lạc tại khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, diện tích 500,4m². Cạnh phía bắc thửa đất của bà C giáp đất của bà C, do bà Thanh là con bà C nhiều lần lấn đất của bà C nên năm 2017 bà C có tiến hành xây hàng rào phần dưới mà móng bê tông, phần trên là lưới B40 để bà Thanh không lấn đất nữa. Trước đây ranh giới giữa 02 thửa đất là con mương nhưng hiện nay con mương bà Thanh đã lấp hiện hàng rào và đất trống. Do trước đây bà Lê Thị Ba không hiểu biết pháp luật nên mới ký liên ranh cho bà C ra sổ đất đai đại trà năm 2004. Nhưng thực tế diện tích đất do bà Ba sử dụng. Năm 2017 do thấy bà Thanh lấn đất nên bà C là người chủ động xây hàng rào có móng bê tông + hàng rào B40 có hiện trạng như hiện nay. Căn nhà của bà C trên đất có trước năm 2000, còn phần xây thêm hình L mà bà C cho rằng lấn đất của tôi xây vào khoảng năm 2011, còn phần nhà tạm sát bờ kênh xây 2018, bồn nước lấn chiếm xây 2014. Năm 2019 khi bà Thanh tiến hành đo đất để khai nhận di sản thì có nhờ bà C ký liên ranh nhưng bà C không ký do bà C lấn phần đất như kết quả đo vẽ mà bà C đã. Khi bà C xây dựng công trình trên phần đất lấn chiếm thì bà Nga, bà Trang và bà Ba có gặp bà Thanh thì bà Thanh nói bằng lời nói sẽ bồi thường phần lấn đất là 500.000.000 đồng.

Về hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Văn Rễ (đã chết năm 1991) và bà Lê Thị Ba (đã chết năm 2019) các con ruột của bà Ba và ông Rễ, bao gồm: Bà Nguyễn Thị Kim N; bà Nguyễn Thị Kim C; ông Nguyễn Bá C; bà Nguyễn Thị Ngọc N; bà Nguyễn Thị Ngọc C; bà Nguyễn Thị Thu K; ông Nguyễn Vũ P; bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hoàng Đ; cùng trú tại: 03 khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D. Cha mẹ ruột của bà Ba và ông Rễ bao gồm: Ông Nguyễn Văn Góc – chết trước ông Rễ năm nào không rõ; mẹ của ông Rễ tên Nguyễn Thị Si chết khi ông Rễ mới 03 tuổi; mẹ của bà Ba là Nguyễn Thị Miêng chết trước bà Ba năm nào không rõ; cha của bà Ba là Lê Hữu Chúc chết trước bà Ba năm nào không rõ.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung. Bà C xác định diện tích đất bà Thanh lấn đất của bà C theo sơ đồ bản vẽ ngày 28/6/2021 của Tòa án. Tổng diện tích yêu cầu các đồng thừa kế của bà C trả lại cho bà C là 93m² theo sơ đồ bản vẽ ngày 28/6/2021 của Tòa án.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn – bà Đỗ Thị T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ ruột của bà Đỗ Thị C (đã chết năm 2018) để lại thuộc thửa số 291, tờ bản đồ B2, tọa lạc tại khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002183 QSDĐ/TTAT do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T), tỉnh D cấp ngày 05/8/2004.

Trước đây ranh giới giữa đất bà C và bà C là 01 con mương nhưng sau này các bên gia đình đã lấp mương hiện nay con mương không còn. Vào năm 2004 bà Thanh tiến hành xây nhà cấp 4 cho bà C, thời điểm này bà Thanh mới xây nhà vì bà C vừa mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tường nhà cấp 4 của bà Thanh là ranh giới giữa đất bà C và bà C. Đồng thời vào năm 2017 thì bà C xây hàng rào bằng móng bê tông, gạch ống và lưới B40 sát vách tường nhà của bà Thanh để xác định ranh giới 02 thửa đất. Các đồng thừa kế của bà C không đồng ý vì ranh giới đất giữa bà C và bà C là do chính bà C xác định.

Đôi phần đất giáp bờ kênh bà C cho rằng đây là phần do cha mẹ bà C để lại không phù hợp vì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002183 QSDĐ/TTAT do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh D cấp ngày 05/8/2004 cho bà C thì đất bà của bà C kéo dài ra đến bờ kênh. Diện tích này gia đình bà Thanh sử dụng từ trước năm 1975 đến nay.

Khi bà Thanh tiến hành khai nhận di sản của bà C thì diện tích đất thực tế tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Thanh xác định diện tích đất tăng là do hai bên ranh đất của bà C là mương nước, khi xây hàng rào thì gia đình bà Thanh lấp nửa mương nên diện tích đất mới tăng, hơn nữa sổ đất cấp theo dạng đại trà. Năm 2017 đất bị giải tỏa diện tích 103,2m² để làm trục đường thoát nước Bưng Hiệp – Suối Cát, bà C đã nhận tiền bồi thường đầy đủ.

Về hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị C gồm: Bà Đỗ Thị C có chồng là ông Nguyễn Văn Niên, sinh năm 1914, chết năm 1988. Con của bà Đỗ Thị C và ông Nguyễn Văn Niên là ông Đỗ Minh Hùng; bà Đỗ Thị T; ông Nguyễn Văn Siêng chết năm 2018; ông Siêng có vợ là bà Nguyễn Ngọc Lan và 04 người con là: Ông Nguyễn Tấn Năng; Nguyễn Thị Thùy Liêm; bà Nguyễn Thị Phúc Chánh và Nguyễn Ngọc Ân. Cha mẹ của bà C là ông Đỗ Văn Nghị, chết năm 1951 và bà Phan Thị Thìn, chết năm 1963. Cha mẹ của ông Nguyễn Văn Niên không biết rõ họ tên năm sinh.

Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn Gấm trình bày:

Bà C là vợ hợp pháp của ông Gấm, bà C là người quản lý sử dụng thửa đất 1769, tờ bản đồ số 5 (B2) tọa lạc tại khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D. Nguồn gốc đất do cha mẹ của bà C là ông Nguyễn Văn Rễ (đã chết năm 1991) và bà Lê Thị Ba (đã chết năm 2019) để lại cho bà C. Ông Gấm xác định đây là tài sản riêng của bà C và gia đình bên phía bà C, ông Gấm không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Hoàng Đức, ông Nguyễn Hữu Phước, ông Nguyễn Bá Cường, bà

Nguyễn Thị Thùy Trang, bà Nguyễn Thị Thu Khuê và bà Nguyễn Thị Ngọc Châu thống nhất trình bày:

Các ông bà thống nhất theo lời trình bày của bà C về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng đối với diện tích đất của bà C tranh chấp với bà Thanh. Các ông bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà C. Các ông bà đều xác định giao cho bà C toàn quyền quyết định đối với diện tích bà C tranh chấp, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C thì bà C được toàn quyền quyết định đối với diện tích đất này. Do bận công việc nên các ông bà yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đỗ Minh Hùng, bà Nguyễn Ngọc Lan, ông Nguyễn Tấn Năng, bà Nguyễn Thị Thùy Liêm, bà Nguyễn Thị Phúc Chánh, ông Nguyễn Ngọc Ân thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng của diện tích đất tranh chấp và hàng thừa kế thứ 01 của bà Đỗ Thị C thì các ông bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Thanh và giao cho bà Thanh toàn quyền quyết định mọi tranh chấp đến vụ án. Mọi quyết định của bà Thanh là quyết định của các ông bà. Do bận công việc nên các ông bà yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa về nội dung vụ án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu khởi kiện bà Đỗ Thị T phải tháo dỡ tường nhà trả lại diện tích đất lấn chiếm, đây là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất theo Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự 2015. Diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại khu phố Thạnh Lộc, phường An Thạnh, thành phố T, tỉnh D, theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh D.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Kim Nền theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Nền không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Nền trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình

bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn Gấm, ông Nguyễn Bá Cường, bà Nguyễn Thị Ngọc Nga, bà Nguyễn Thị Ngọc Châu, bà Nguyễn Thị Thu Khuê, ông Nguyễn Vũ Phước, bà Nguyễn Thị Thùy Trang, ông Nguyễn Hoàng Đức, ông Đỗ Minh Hùng, bà Nguyễn Ngọc Lan, ông Nguyễn Tấn Năng, bà Nguyễn Thị Thùy Liêm, bà Nguyễn Thị Phúc Chánh, ông Nguyễn Ngọc Ân đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà có tên trên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ý kiến trình bày của bị đơn Đỗ Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét thấy chiều ngang cạnh phía Đông của thửa 291 của bà C không thể hiện cụ thể diện tích bao nhiêu do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp theo dạng đại trà nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ quá trình quản lý sử dụng, quá trình sử dụng đất và mốc giới các đương sự xác lập giữa các bên để xem xét giải quyết.

Về xác định ranh giới quyền sử dụng đất và yêu cầu bị đơn trả 93m² theo các ký hiệu chỉ ranh của bà C đánh số 1 và 02 được thể hiện trên sơ đồ đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T ngày 28 tháng 6 năm 2021. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ các chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp thể hiện nguồn gốc thửa 1769, tờ bản đồ số 5 (B2) của bà C được tách từ thửa đất 292, 1127, tờ bản đồ B2 (DC5) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H07969/TTAT do ủy ban nhân dân huyện T (nay là thành phố T) cấp cho của bà Lê Thị Ba ngày 10 tháng 7 năm 2007. Xét thấy cạnh phía bắc từ thửa đất 292, 1127, tờ bản đồ B2 (DC5) của bà Ba giáp với đường nội bộ và đất của bà Đỗ Thị C được kéo dài hết ra đến rạch. Vào năm 2008 bà Ba tặng cho bà C 01 phần diện tích đất thuộc thửa đất 292, 1127, tờ bản đồ B2 (DC5) có cạnh phía bắc giáp với đường nội bộ và đất của bà Đỗ Thị C. Bà C đã được Ủy ban nhân dân huyện T nay là thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03187/TTAT ngày 14 tháng 12 năm 2008, tại hồ sơ này bà C đã cam đoan ranh giới tứ cận là đúng (BL 207). Xét thấy theo hồ sơ gốc và hồ sơ biến động nêu trên thì giữa đất bà C và bà C không có mương nước như bà C trình bày, ranh giới giữa hai thửa đất của bà C và bà C là 01 đường thẳng được kéo dài đến rạch không phù hợp với hướng dẫn chỉ ranh xác định vị trí tranh chấp theo kết quả đo đạc của Tòa án ngày 28 tháng 6 năm 2021.

Bà C thừa nhận giữa hai 1769, tờ bản đồ số 5 (B2) và thửa 291 tờ bản đồ số 51 của bà Đỗ Thị C có 01 hàng rào móng bằng gạch + lưới B40 là do bà C xây dựng vào năm 2017 nhằm mục đích bà Thanh không lấn đất của bà C. Khi bà C xây dựng hàng rào thì bà C không có ý kiến gì. Như vậy ranh giới này do bà C tự xác lập và khẳng định đây là ranh giới giữa hai thửa đất.

Bà C cho rằng đất của bà C nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải trả đất cho bà C. Xét thấy, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 291 tờ bản đồ số 51 của bà Đỗ Thị C thể hiện diện tích 378m², năm 2017 bị thu hồi 103,2m², hiện nay diện tích thực tế chỉ còn 339,8m². Diện tích đất của bà C tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng thực tế, tuy nhiên việc tăng diện tích là do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dạng đại trà không đo vẽ hiện trạng thực tế nên mới có sự chênh lệch. Theo kết quả đo vẽ của Tòa án thì thửa 1769, tờ bản đồ số 5 (B2) của bà C cũng tăng 9,5m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy lời trình bày của bà C là có căn cứ.

Bà C cho rằng tại vị trí số 2 tại sơ đồ bản vẽ bà C tranh chấp trước đây gia đình bà Ba trồng cây ăn trái, tuy nhiên lời trình bày của bà C là không cơ sở. Bà C cho rằng diện tích đất tranh chấp là của bà Ba, hành thừa kế thứ nhất của bà Ba thống nhất cho bà C toàn quyền quyết định. Như đã phân tích tích như trên thì không có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp là của bà C và bà Ba. Vì vậy lời trình bày của bà C là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét thấy nguồn gốc thửa đất số 291 tờ bản đồ số 51 là của mẹ bà Đỗ Thị C để lại cho bà C, khi bà C còn sống không để lại di chúc tài sản này cho ai vì vậy tòa án xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà C gồm ông Đỗ Minh Hùng, bà Nguyễn Ngọc Lan, ông Nguyễn Tấn Năng, bà Nguyễn Thị Thùy Liêm, bà Nguyễn Thị Phúc Chánh, ông Nguyễn Ngọc Ân là có căn cứ. Tại phiên tòa bà C trình bày do thời điểm bà C nộp đơn khởi kiện bà Thanh đang quản lý đất này nhưng trường hợp đất của bà C chưa khai nhận di sản thừa kế thì bà C yêu cầu bà Thanh và hàng thừa kế thứ nhất của bà C phải tháo dỡ 01 phần nhà cấp 04 và nhà tạm để trả lại đất cho bà C tại vị trí 01 và vị trí 02 theo kết quả đo đạc của Tòa án ngày 28 tháng 6 năm 2021.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 3.365.000 đồng, do yêu cầu của bà C không được chấp nhận nên bà C phải chịu số tiền này, bà C đã thực hiện xong.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí: Nguyên đơn trên 60 tuổi, là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 146; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim C đối với bị đơn bà – Đỗ Thị T về việc “tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu, được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0053187 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 001937 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh D.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh D;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc